

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST

Ngày 09/7/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bận

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị H – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Đường P, khối 5, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị H1 – Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Đường P1, Buôn Đ, xã C, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn giải quyết vắng mặt ngày 05/6/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 10/4/2019 tôi có cho bà Lê Thị H1 vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận miệng với nhau là tính lãi suất theo quy định của pháp luật, đến ngày 15/6/2019 bà H1 viết cho tôi một Giấy cam kết (viết tay không có công chứng, chứng thực) xác nhận số tiền vay và cam kết đến ngày 21/6/2019 sẽ trả đủ cho tôi nợ gốc cùng lãi suất như thỏa thuận. Tuy nhiên, tới hạn thì bà H1 chỉ trả cho tôi 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) nợ gốc. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại và lãi suất nhưng bà H1

không trả. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Việc tôi cho bà H1 vay tiền không liên quan tới chồng bà H1 và không yêu cầu chồng bà H1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

*** Theo bản tự khai của bà Lê Thị H1 ngày 04/6/2020 trình bày:**

Vào ngày 10/4/2019 tôi có vay của bà Phan Thị H số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau khi vay tiền tôi có viết giấy cam kết và hẹn đến ngày 21/6/2019 sẽ trả số tiền gốc và lãi cho bà H. Sau đó tôi có trả cho bà H được 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và còn nợ lại số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 55.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật thì tôi cũng đồng ý. Tôi đề nghị bà H cho tôi thời gian trả nợ là 03 tháng một lần, mỗi lần 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Lần trả cuối cùng vào ngày 05/9/2021 tôi sẽ trả hết số tiền còn lại và lãi suất theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được về thời hạn trả nợ.

Diễn biến tại phiên tòa: Bà Phan Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) và lãi suất trên số tiền 55.000.000 đồng tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 09/7/2020 theo mức lãi suất 10%/năm và lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị H1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Về nội dung:

- Về nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H, HĐXX nhận thấy: Việc bà Lê Thị H1 vay tiền của bà Phan Thị H là có thật, được thể hiện qua Giấy cam kết lập ngày 15/6/2019 và sự thừa nhận của các đương sự thì hiện nay bà Lê Thị H1 còn nợ bà H số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Thời hạn trả nợ theo Giấy cam kết là ngày 21/6/2019. Tuy nhiên đến nay bà Lê Thị H1 chưa trả hết nợ cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H và bà H1 đều xác định việc vay tiền này không liên quan đến chồng bà H1, bà H chỉ yêu cầu một mình bà H1 phải trả số tiền 55.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ cần chấp nhận.

- Về lãi suất: Theo Giấy cam kết ngày 15/6/2019 thì hai bên có thỏa thuận vay có lãi suất, tuy nhiên trong giấy cam kết không thể hiện rõ mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất tiền vay. Tại phiên tòa bà Phan Thị H xác định chỉ yêu cầu bà H1 trả lãi suất trên số tiền 55.000.000 đồng tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 09/7/2020 theo mức lãi suất 10%/năm và lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc bà Lê Thị H1 phải chịu lãi suất tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 09/7/2020, cụ thể như sau: $(10\%/năm \times 55.000.000 \text{ đồng}) \times 06 \text{ tháng}, 02 \text{ ngày} = 2.769.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

$(55.000.000 \text{ đồng} + 2.769.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 2.888.000 \text{ đồng}$ (làm tròn)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phan Thị H tổng số tiền 1.375.000 đồng tạm ứng án phí do Cải Hoành L nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005716 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H. Buộc bà Lê Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền 57.769.000 đồng (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 55.000.000 đồng; nợ lãi tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 09/7/2020 là 2.769.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm trả phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

* **Về án phí:** Bị đơn bà Lê Thị H1 phải chịu 2.888.000 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phan Thị H tổng số tiền 1.375.000 đồng tạm ứng án phí do Cải Hoành L nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005716 ngày 14/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang